TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06/3/2020
"V/v ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN-TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Ông Bùi Minh Cảnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Văn Đen, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang***: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 296/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST, ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày 06/9/1996.

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2- Bị đơn: Anh Danh Bé G, sinh ngày 12/6/1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K.A, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A trình bày và yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh Danh Bé G kết hôn với nhau vào năm 2017, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.Vợ chồng chung sống thường phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Bé G không quan tâm lo lắng gì cho vợ con. Đặc biệt là từ lúc chị ôm con về nhà cha mẹ ruột của chị sống bản thân anh Bé G và gia đình cha mẹ

chồng cũng không đến thăm con, động viên chị lần nào, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Nay chị xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn nữa nên chị yêu cầu xin được ly hôn với anh Danh Bé G.

Về con chung: Có 01 đứa con tên Thị Ngọc L, sinh ngày 19/10/2018, từ khi ly thân cho đến nay chị là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, cuộc sống của cháu vẫn ổn định và bản thân chị cũng có đủ điều kiện nuôi con. Nay chị yêu cầu xin được nuôi con và không yêu cầu anh Bé G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đối với bị đơn anh Danh Bé G Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Danh Bé G có đơn xin vắng mặt.

Tuy nhiên, anh Danh Bé G có cung cấp cho Tòa án bản tự khai ngày 16/01/2020 trình bày như sau: Anh đã nhận được tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho anh, nhưng do anh bận công việc gia đình nên không thể tham gia các phiên hòa giải được, theo yêu cầu của chị Nguyễn Thị Lan A thì anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Lan A.

Về con chung: Anh đồng ý giao con tên Thị Ngọc L cho chị Lan A tiếp tục nuôi dưỡng và anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh thừa nhận không có nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Lan A vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu nêu trên.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Danh Bé G có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quan điểm của đại viện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung:

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G.

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G là giao cháu Thị Ngọc L, sinh ngày 19/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Bé G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và phần nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G thừa nhận không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, nuôi con và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Danh Bé G đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, anh Bé G đã có lời trình bày thể hiện trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vắng mặt đối với anh Danh Bé G theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G kết hôn với nhau vào năm 2017 và có đăng ký kết hôn ngày 14/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Theo Trích lục kết hôn số 1655/TLKH-BS, ngày 14/5/2018 nên hôn nhân của chị Lan A và anh Bé G là hợp pháp.

Về mâu thuẫn, sau khi vợ chồng về chung sống do anh Bé G thiếu quan tâm đến vợ con. Hơn nữa từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay gia đình cha mẹ hai bên cũng không hòa giải được, từ đó hạnh phúc gia đình ngày càng lạnh nhạc.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G đã tự nguyện thuận tình ly hôn với nhau. Xét thấy, sự tự nguyện của anh chị không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G là giao cháu Thị Ngọc L, sinh ngày 19/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Danh Bé G không phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ. Bởi vì, từ khi ly thân cho đến nay chị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu vẫn ổn định và bản thân chị có đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu 300.000đ. Nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo lai thu số 0008285, ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Lan A đã nộp đủ tiền án phí.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nêu trên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G là giao cháu Thị Ngọc L, sinh ngày 19/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Lan A chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Danh Bé G không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Bé G có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Khi cần thiết chị Lan A và anh Bé G có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Danh Bé G thừa nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), theo lai thu số 0008285 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Lan A đã nộp đủ tiền án phí.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho chị Lan A có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/3/2020). Đối với anh Bé G vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự

thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đông Thái;.
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký va đóng dấu

Phạm Thanh Tâm